

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/12/2021

V/v “Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Mút

Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Số A, tổ B, khóm C, phường D, thị xã Đ, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Ông Võ Văn Bé N, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Số A, tổ B, khóm C, phường D, thị xã Đ, tỉnh Vĩnh Long

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N thống nhất trình bày như sau:

+ Về hôn nhân: Bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N hai người đám cưới vào tháng 4/1999, hôn nhân là do quen biết trước, có tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức đám cưới làng họ, nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn.

Theo bà Phạm Thị P trình bày: Bà P cho rằng từ khi vợ chồng chung sống với nhau là không có hạnh phúc dẫn đến xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau. Mà nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà P cho rằng quá trình chung sống ông Bé N không quan tâm, chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, ông N xem thường bà P không tôn trọng trong tình cảm vợ chồng với nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nên từ đó vợ chồng ly thân sau cùng từ năm 2018 đến nay không trở về đoàn tụ được lần nào. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Võ Văn Bé N.

Theo ông Võ Văn Bé N trình bày: Là vợ chồng hạnh phúc được khoảng 7 – 8 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Ông N cũng thừa nhận là do ông N không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ và con, vợ chồng thương hay cự với nhau bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nên từ đó vợ chồng ly thân sau cùng từ năm 2018 đến nay không trở về đoàn tụ được lần nào. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông N đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà P, ông N đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà P.

+ Về con chung: Bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N thống nhất trình bày trong thời gian sống chung, vợ chồng bà có 01 con chung tên Võ Phương A, sinh ngày 27/3/2000. Do cháu Võ Phương A hiện đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Phạm Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà P yêu cầu được không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Võ Văn Bé N. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Võ Phương A sinh ngày 27/3/2000. Do cháu Võ Phương A hiện đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu

Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị P trình bày vợ chồng bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Võ Văn Bé N đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà P. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông có 01 con chung Võ Phương A sinh ngày 27/3/2000. Do cháu Võ Phương A hiện đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Văn Bé N trình bày vợ chồng ông tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn ông Võ Văn Bé N có nơi cư trú tại phường D, thị xã Đ, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 mà đến nay không đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa hôm nay, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông N. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn theo bà P cho rằng quá trình chung sống ông N không quan tâm, chăm sóc vợ con nên vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt với nhau. Từ đó vợ chồng ly thân sau cùng từ năm 2018 đến nay không trở về đoàn tụ được lần nào. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông N cũng thống nhất đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà P. Xét thấy hôn nhân của bà P và ông N không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mà tại khoản 1 Điều 9 quy định như sau: “Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý” và tại khoản 1 Điều

14 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”.

Do đó, qua đối chiếu với các quy định của pháp. Hội đồng xét xử không xem xét việc ly hôn hay đoàn tụ giữa bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N, vì bà P và ông N chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền, nghĩa giữa vợ chồng với nhau, nên cần tuyên bố: “Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về nuôi con chung: Giữa bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N có 01 con chung tên Võ Phương A, sinh ngày 27/3/2000. Hiện nay cháu Võ Phương A đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Xét về tài sản chung: Bà Phạm Thị Phương và ông Võ Văn Bé Năm không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị P phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0012255, ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N.

- Về con chung: Bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N có 01 con chung tên

Võ Phương A, sinh ngày 27/3/2000 hiện đã trưởng thành, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị P và ông Võ Văn Bé N không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị P phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0012255, ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử công khai, bà Phạm Thị Phương và ông Võ Văn Bé Năm được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đường sự: 02;
- Ủy ban nhân dân phường Thành Phước: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Sương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Mút

Lương Phi Hùng

Nguyễn Thị Tuyết Sương

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đường sự: 02;
- Ủy ban nhân dân phường Thành Phước: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Sương